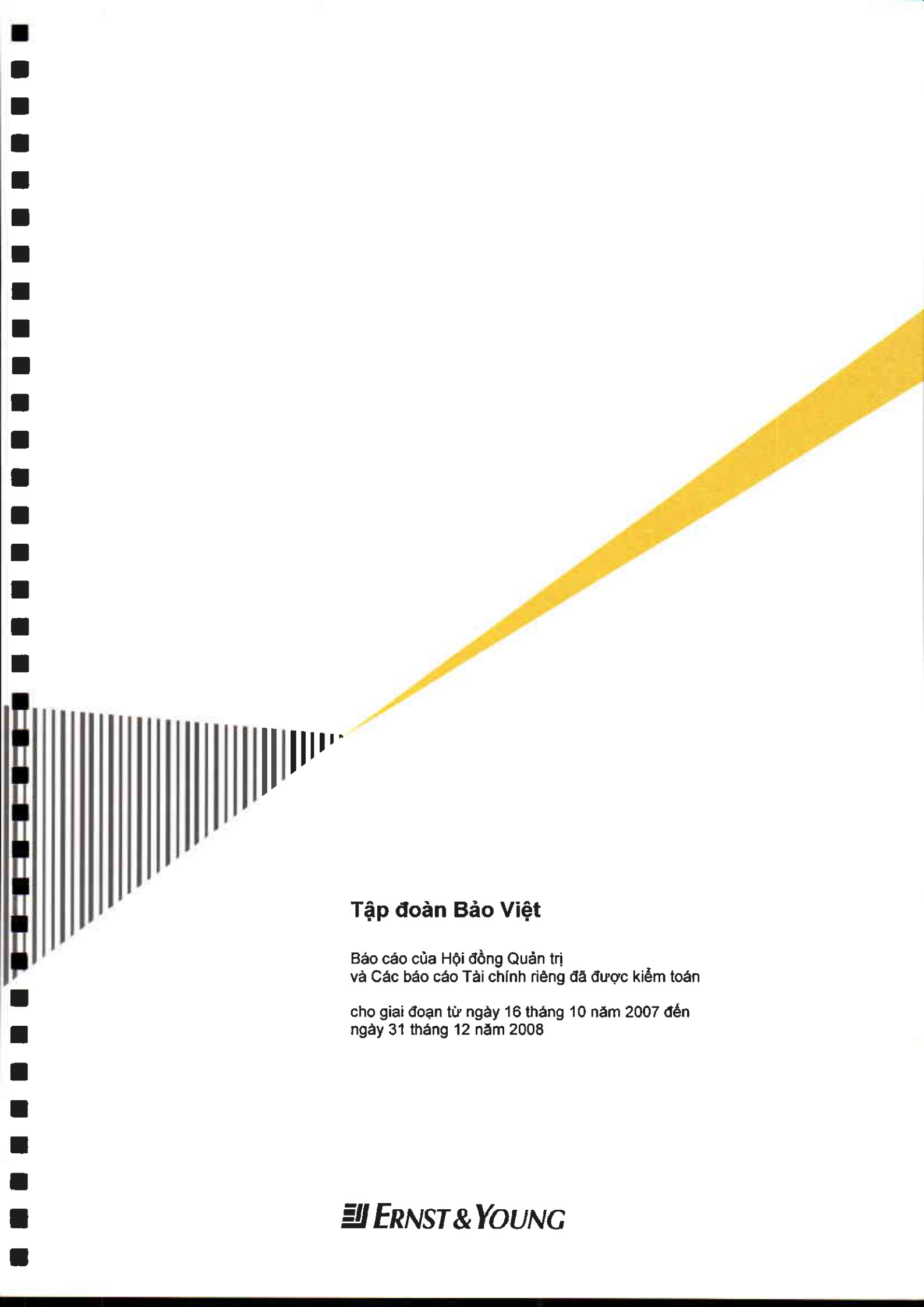




Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và Các báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán

cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Số tham chiếu: 60755512/13545123

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Tập đoàn Bảo Việt "Tập đoàn", báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng") được trình bày từ trang 4 đến trang 38. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Đình Cường

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0135/KTV

Trần Thị Thanh Thủy

Trần Thị Thanh Thủy
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0815/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.515.843.520.815	8.408.911.172.809
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	56.469.344.502	4.458.641.566.083
111	1. Tiền mặt		683.799.074	539.367.298
112	2. Tiền gửi Ngân hàng		55.785.545.428	4.458.102.198.785
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		2.892.065.521.834	3.645.200.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	2.892.065.521.834	3.645.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		565.626.682.480	303.223.051.638
131	1. Phải thu khách hàng	7	148.867.996.879	34.613.168.228
132	2. Trả trước cho người bán	8	1.739.950.000	1.516.000.000
133	3. Phải thu từ các bên liên quan	9	402.851.267.562	264.794.201.174
138	4. Các khoản phải thu khác	10	12.167.468.039	2.299.682.236
140	IV. Hàng tồn kho		980.305.850	1.223.525.731
141	1. Hàng tồn kho	11	980.305.850	1.223.525.731
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		701.666.149	623.029.357
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	74.681.150	241.118.950
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	13	626.984.999	381.910.407
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.335.603.316.393	4.526.222.189.108
220	I. Tài sản cố định		290.763.020.487	241.797.833.001
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	143.673.759.037	71.639.065.928
222	Nguyên giá		184.923.309.473	104.750.029.751
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.249.550.436)	(33.110.963.823)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	17.409.272.148	24.564.606.766
228	Nguyên giá		30.252.957.544	30.082.127.544
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.843.685.396)	(5.517.520.778)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	129.679.989.302	145.594.160.307
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	17	6.044.840.295.906	4.284.424.356.107
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.119.085.388.414	1.916.889.111.106
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		217.862.440.000	78.172.395.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.907.657.590.686	2.289.362.850.001
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(199.765.123.194)	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.851.446.837.208	12.935.133.361.917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.626.497.743.119	5.229.011.692.126
310	I. Nợ ngắn hạn		1.605.270.669.387	5.207.852.739.223
312	1. Phải trả người bán	18	5.325.733.335	10.647.466.667
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	97.478.587.222	37.776.567.949
315	3. Phải trả người lao động	20	2.355.215.373	17.694.805.519
316	4. Chi phí phải trả	21	-	77.754.276.500
317	5. Phải trả nội bộ	22	1.447.532.125.493	724.032.796.471
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	52.579.007.964	4.339.946.826.117
330	II. Nợ dài hạn		21.227.073.732	21.158.952.903
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	24	21.227.073.732	21.158.952.903
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.224.949.094.089	7.706.121.669.791
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	8.207.281.437.852	7.529.513.503.197
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.734.745.821.197	1.734.745.821.197
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		742.269.566.655	64.501.632.000
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		17.667.656.237	176.608.166.594
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26	17.667.656.237	176.608.166.594
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.851.446.837.208	12.935.133.361.917

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2008	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
1.	Dollar Mỹ (USD)		USD 1.673.423,29	USD 1.589.317



Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1.073.225.178.477	842.078.450.851	504.029.336.891
22	2. Chi phí tài chính	28	(200.793.167.000)	(200.780.573.917)	(19.251.322)
24	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính		872.432.011.477	641.297.876.934	504.010.085.569
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(124.625.847.888)	(113.194.505.108)	(38.783.432.401)
30	5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		747.806.163.589	528.103.371.826	465.226.653.168
31	6. Thu nhập khác	30	26.284.342.550	25.301.186.385	1.913.415.846
32	7. Chi phí khác		(1.572.278)	(1.572.278)	-
40	8. Lợi nhuận khác		26.282.770.272	25.299.614.107	1.913.415.846
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		774.088.933.861	553.402.985.933	467.140.069.014
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	(95.702.054.767)	(59.240.103.354)	(33.916.192.672)
60	11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32	678.386.879.094	494.162.882.579	433.223.876.342



Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		-	1.440.913.160
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(12.296.896.448)	(8.284.459.153)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(39.892.626.154)	(27.580.910.356)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(57.473.383.448)	(39.249.763.827)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		357.895.508.585	1.644.800.122.310
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(656.735.688.849)	(1.665.603.142.970)
10	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(408.503.086.314)	(94.477.240.836)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(44.494.968.150)	(42.724.632.129)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		338.429.472	-
25	3. Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các đơn vị khác		(20.601.288.931.626)	(9.082.445.891.449)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác		20.302.210.390.389	4.293.245.189.420
27	5. Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận được chia		648.513.281.571	81.450.650.817
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		305.278.201.656	(4.750.474.683.341)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho giai đoạn từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 16 tháng 10 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 đến ngày 15 tháng 10 năm 2007
30	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền nhận góp vốn cổ phần của các nhà đầu tư trong đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng - Tiền nhận từ Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Tiền nhận từ HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited - Tiền nhận từ cán bộ công nhân viên - Tiền nhận từ nhà đầu tư khác Tiền trả lại các nhà đầu tư và chuyển trả Bộ tài chính về thặng dư vốn thu từ cổ phần hóa		- - - -	1.467.127.200.000 4.121.092.773.798 256.783.824.620 3.418.830.263.250
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.298.059.929.476)	-
60	IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(4.298.059.929.476)	9.263.834.061.668
70	Tiền và tương đương tiền đầu năm		(4.401.284.814.134)	4.418.882.137.491
71	Tiền và tương đương tiền cuối năm		4.458.641.566.083	38.871.000.389
80	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(887.407.447)	888.428.203
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	56.469.344.502	4.458.641.566.083



Nguyễn Thị Phúc Lâm
Tổng Giám đốc

Lê Hải Phong
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ngày 25 tháng 03 năm 2009